

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CƯ JÚT
TỈNH ĐẮK NÔNG**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 20/2019/DS-ST

Ngày 20-11-2019

V/v: “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CƯ JÚT

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lộc Thị Vinh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Phạm Thị Thơm

2. Bà Nguyễn Thị Thuận.

- Thư ký phiên tòa: bà Ngô Thị Vân - Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cư Jút tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Tuyết – Kiểm sát viên.

Trong ngày 20/11/2019 tại Phòng xử án Tòa án nhân dân huyện Cư Jút xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số: 89/2019/TLST – DS ngày 26 tháng 7 năm 2019 về việc “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 30/2019/QĐXXST – DS ngày 11/10/2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 76/2019/QĐST - DS ngày 04/11/2019 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ngân hàng A. Trụ sở: Số B phố L, phường H, Quận M, thành phố Hà Nội.

Đại diện theo pháp luật: Ông Dương Quyết T – Chức vụ: Tổng giám đốc; Địa chỉ: Số B phố L, phường H, Quận M, thành phố Hà Nội

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Phạm Xuân T - C/v: Giám đốc Phòng giao dịch Ngân hàng A, phòng giao dịch C (QĐ ủy quyền số: 4716/QĐ-NHCS ngày 25/11/2016). Địa chỉ: Tổ dân phố N, thị trấn, E, huyện C, tỉnh Đắk Nông – Có mặt.

- *Bị đơn:* Bà Trần Thị N.

Địa chỉ: Thôn Q, xã N, huyện C, tỉnh Đắk Nông – Vắng mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* ông Phạm Xuân K.

Địa chỉ: Thôn Q, xã N, huyện C, tỉnh Đắk Nông – Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện bản tự khai và tại phiên tòa đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày: Trên cơ sở Giấy đề nghị vay vốn của bà Trần Thị N, bà N đề nghị vay vốn theo chương trình hộ sản xuất kinh doanh tại vùng khó khăn; Ngân hàng A - Phòng giao dịch C cho hộ bà N vay số tiền 25.000.000đ (Hai mươi lăm triệu

đồng); khế ước số 6000006400045529 vay ngày 14/10/2014: thỏa thuận: tổng số tiền vay 25.000.000 đồng, thời hạn cho vay 48 tháng, lãi suất cho vay 0,8%/tháng, lãi suất quá hạn bằng 130% lãi suất cho vay; kỳ hạn trả nợ 12 tháng/lần, mỗi lần trả 8.500.000 đồng tiền gốc, lãi vay trả hàng tháng; hạn trả nợ gốc cuối cùng là 14/10/2017.

Đến hạn trả nợ, Ngân hàng đến đòi nhiều lần nhưng bà Trần Thị N không trả được tiền gốc chỉ trả được 3.440.003 đồng tiền lãi (tiền lãi đóng lần cuối vào ngày 14/3/2013). Bà N có đề nghị gia hạn nợ, Ngân hàng cũng đã cho bà N gia hạn nợ nhiều lần nhưng bà N vẫn không trả nợ, vì vậy, Ngân hàng A khởi kiện, yêu cầu TAND huyện Cư Jút giải quyết buộc bà Trần Thị N và ông Phạm Xuân K trả Ngân hàng A số tiền 36.671.297 đồng (Ba mươi sáu triệu sáu trăm bảy mươi một nghìn hai trăm chín mươi bảy đồng), trong đó: tiền gốc 25.000.000đ, tiền lãi tính tới thời điểm xét xử hôm nay 20/11/2019 là 11.671.297 đồng. Cụ thể cách tính lãi:

+ Lãi trong hạn tính từ 14/10/2013 đến 14/7/2019 là: $25.000.000đ \times 2.099 \text{ ngày} \times 0,8\%/tháng = 13.993.300.000 \text{ đồng}$, bà N đã đóng tiền lãi trong hạn được 3.440.003 đồng (tiền lãi đóng lần cuối vào ngày 14/3/2013), như vậy lãi trong hạn bà N, ông K còn nợ là 10.553.297 đồng;

+ Lãi quá hạn được tính từ 15/7/2019 đến 20/11/2019 là: 129 ngày, lãi quá hạn tính bằng 130% lãi suất trong hạn 0,8% là 1,040%/tháng, cụ thể: $25.000.000đ \times 0,040\%/tháng \times 129 \text{ ngày} = 1.118.000 \text{ đồng}$.

- Bị đơn bà Trần Thị N và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Phạm Xuân K từ khi thụ lý đến khi xét xử đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng bà N, ông K vắng mặt không có lý do và cũng không cung cấp tài liệu, văn bản về ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cư Jút phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, sự tuân theo pháp luật của những người tham gia tố tụng cũng như nội dung vụ án.

- Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán từ khi thụ lý vụ án và của Hội đồng xét xử tại phiên tòa đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Về phía người tham gia tố tụng: Nguyên đơn đã nghiêm túc thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ của mình; bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan mặc dù đã được Tòa án tổng đạt các văn bản tố tụng hợp lệ nhưng không chấp hành, vắng mặt tại phiên tòa đến lần thứ 2 nên HĐXX xét xử vắng mặt bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là phù hợp quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự. Về hình thức tố tụng, Viện kiểm sát nhân dân huyện Cư Jút xét thấy đảm bảo đầy đủ và hợp pháp.

- Về nội dung: Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ nên đề nghị HĐXX chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả xét hỏi tại phiên tòa, ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên:

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Thẩm quyền và quan hệ pháp luật tranh chấp: Ngân hàng A khởi kiện bà Trần Thị N có địa chỉ: Thôn Q, xã N, huyện C, tỉnh Đắk Nông trả nợ gốc và lãi theo hợp đồng tín dụng đã ký kết. Vì vậy, quan hệ pháp luật tranh chấp là “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cư Jút theo quy định tại khoản 3 Điều 26 điểm a khoản 1 Điều 35; các điểm a, c khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Về nội dung: Xét theo món vay khế ước số 6000006400045529 vay ngày 14/10/2013 được ký kết giữa bà Trần Thị N với Ngân hàng A - Phòng giao dịch C hoàn toàn tự nguyện, không bên nào bị lừa dối, nội dung vay số tiền 25.000.000đồng theo chương trình hộ sản xuất kinh doanh tại vùng khó khăn, thời hạn trả theo biên bản thỏa thuận trả nợ ngày cuối cùng là ngày 14/10/2017, các thỏa thuận trong khế ước hoàn toàn phù hợp đúng theo quy định của pháp luật quy định tại Điều 463 của Bộ luật Dân sự năm 2015 nên Hợp đồng có hiệu lực pháp luật.

Xét Khế ước số 6000006400045529 vay ngày 14/10/2013 có thỏa thuận: tổng số tiền vay 25.000.000 đồng, thời hạn cho vay 48 tháng, lãi suất cho vay 0,8%/tháng, lãi suất quá hạn bằng 130% lãi suất cho vay; kỳ hạn trả nợ 12 tháng/lần, mỗi lần trả 8.500.000 đồng tiền gốc, lãi vay trả hàng tháng; hạn trả nợ gốc cuối cùng là 14/10/2017. Đến trả nợ, mặc dù Ngân hàng đã cho gia hạn nợ nhiều lần nhưng bà N vẫn trốn tránh không trả nợ gốc và lãi, như vậy bà N đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ gốc và lãi như đã thỏa thuận trong Khế ước vay đã ký kết.

Hội đồng xét xử xét thấy: Cách tính lãi của Ngân hàng A là rõ ràng, đúng theo thỏa thuận về thời điểm trả nợ và lãi suất, không vi phạm quy định của pháp luật dân sự, yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng A là có căn cứ theo Khế ước 6000006400045529 vay ngày 14/10/2013 được ký kết giữa bà N và Ngân hàng A, HĐXX cần chấp nhận.

Để bà N, ông K có quyền được trình bày ý kiến của mình về việc vay nợ Tòa án đã tổng đạt hợp lệ văn bản tố tụng: Thông báo v/v thụ lý vụ án, Giấy triệu tập, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa nhưng bà N, ông K vẫn vắng mặt không có lý do. Như vậy bà N, ông K đã tự tước bỏ quyền được tự bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình.

Mối quan hệ giữa bà Trần Thị N và ông Phạm Xuân K tại thời điểm giao kết hợp đồng là quan hệ vợ chồng. Việc bà N đứng tên giao kết vay vốn tại Ngân hàng A ông K có biết và đã ký vào phần Người thừa kế, cam kết có trách nhiệm trả nợ chung. Đây là khoản vay nhằm đáp ứng nhu cầu thiết yếu sử dụng phục vụ đời sống chung của gia đình nên theo quy định tại Điều 27, Điều 37 Luật Hôn nhân và gia đình, HĐXX xét thấy: ông K có nghĩa vụ chung về tài sản của vợ chồng nên phải có trách nhiệm liên đới cùng trả nợ đối với khoản vay này.

Từ những căn cứ nêu trên HĐXX đủ căn cứ buộc bà Trần Thị N và ông Phạm Xuân K phải trả Ngân hàng A số tiền số tiền 36.671.297 đồng (Ba mươi sáu triệu sáu trăm bảy mươi một nghìn hai trăm chín mươi bảy đồng), trong đó: tiền gốc 25.000.000đ, tiền lãi tính tới thời điểm xét xử 20/11/2019 là 11.671.297 đồng.

Tiếp tục tính lãi kể từ ngày 21/11/2019 theo mức lãi suất như đã thỏa thuận trong khế ước nhận nợ đối với số tiền còn nợ cho đến khi trả nợ xong.

[4]. Về án phí: Án phí dân sự có giá ngạch đối với số tiền 36.671.297 đồng là: 36.671.297 đồng x 5% = 1.833.500 đồng (Một triệu tám trăm ba mươi ba nghìn năm trăm đồng). Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận toàn bộ nên bị đơn phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35; các điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; khoản 2 Điều 227, Điều 228; Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 429, Điều 463, Điều 465, Điều 466, Điều 468 và Điều 470 của Bộ luật dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326 ngày 30/12/2016 của UBTVQH14 quy định về án phí, lệ phí Tòa án;

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng A;

1. Buộc bà Trần Thị N và ông Phạm Xuân K phải trả Ngân hàng A: 36.671.297 đồng (Ba mươi sáu triệu sáu trăm bảy mươi một nghìn hai trăm chín mươi bảy đồng), trong đó: tiền gốc 25.000.000đ, tiền lãi tính tới ngày 20/11/2019 (ngày xét xử sơ thẩm) là 11.671.297 đồng

Tiếp tục tính lãi kể từ ngày 21/11/2019 theo mức lãi suất như đã thỏa thuận trong khế ước nhận nợ số 6000006400045529 ngày 14/10/2013 đối với số tiền còn nợ cho đến khi trả nợ xong.

2. Về án phí: Buộc bà Trần Thị N và ông Phạm Xuân K phải nộp 1.833.500 đồng (Một triệu tám trăm ba mươi ba nghìn năm trăm đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; Bị đơn; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đắk Nông;
- Sở Tư pháp tỉnh Đắk Nông;
- VKSND huyện Cư Jút;
- Chi cục THADS huyện C;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký và đóng dấu)

Lộc Thị Vinh